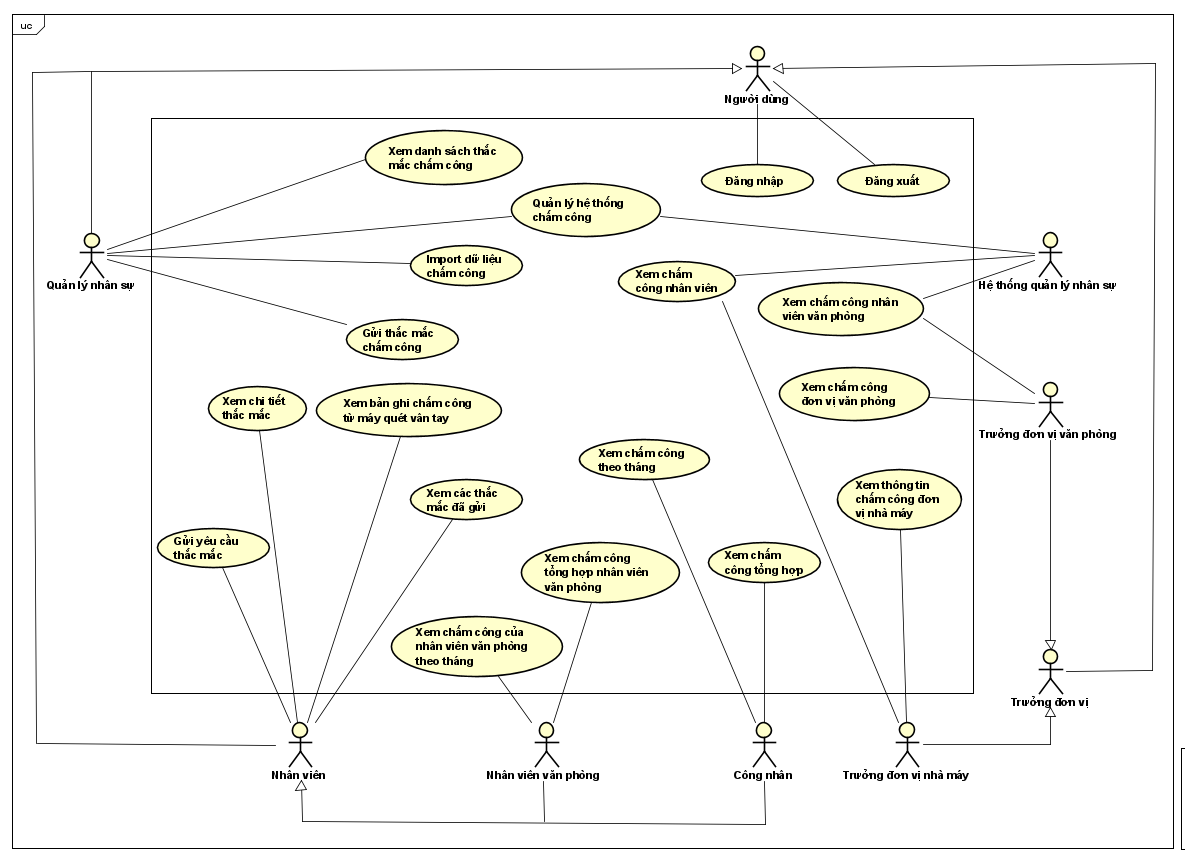
Phân tích yêu cầu

Nhóm 6

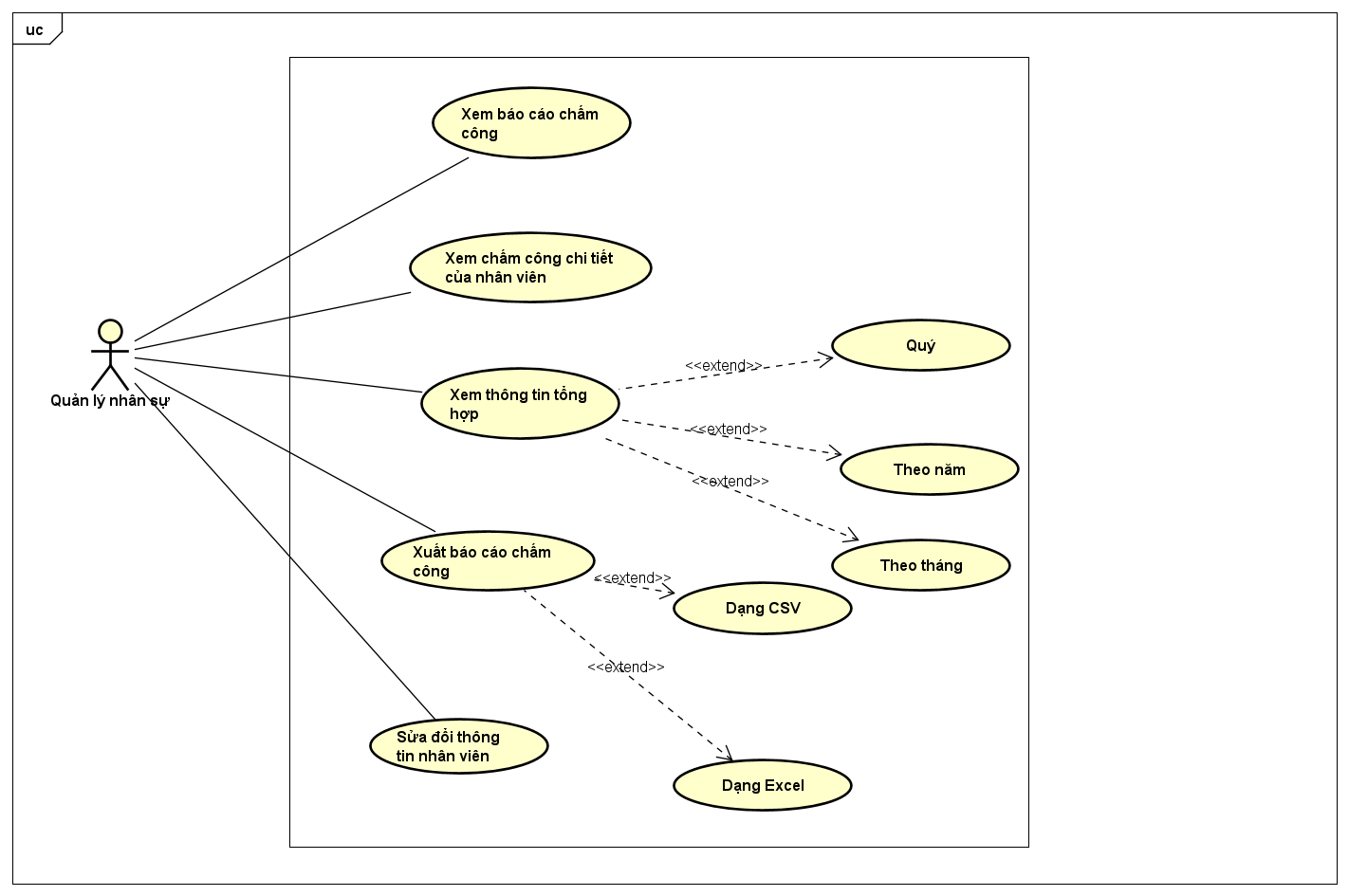
* Brak Lihou – 20200836
* Srey Sovanrith – 20200845
* Hul Sovannthyda – 20200846
* Ven Chhut – 20200844
* Thai Socheat - 20200847

# Biểu đồ use case

## Biểu đồ use case tổng quan



## Biểu đồ use case phân rã “Quản lý hệ thống chấm công”

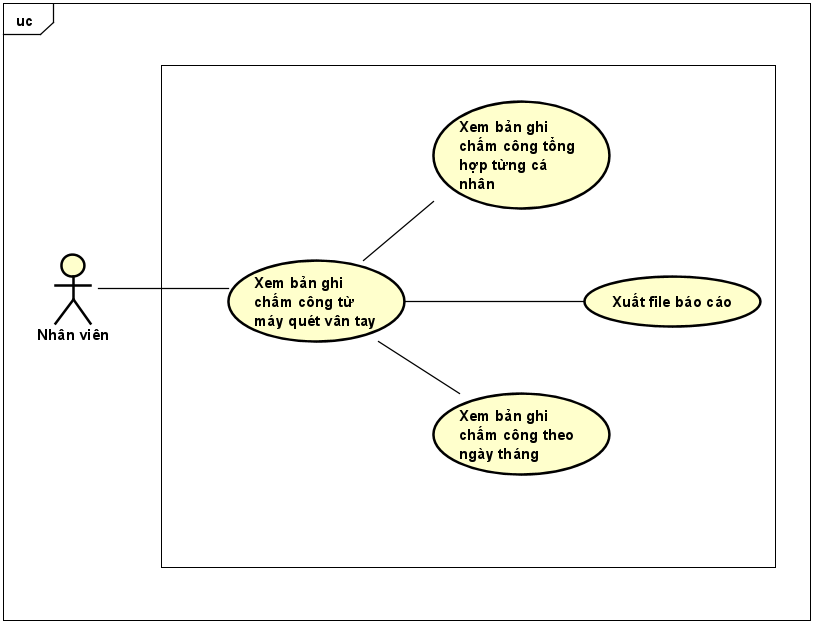


## Biểu đồ use case phân rã “Xem thông tin chấm công đơn vị nhà máy”

**A diagram of a child

Description automatically generated**

## Biểu đồ use case phân rã “Xem bản ghi chấm công từ máy quát vân tay”

****

## Biểu đồ use case phân rã “Xem thông tin chấm công đơn vị nhà máy”

**A diagram of a diagram

Description automatically generated**

## Biểu đồ use case phân rã ““Xem chấm công tổng hợp”

A diagram of a person

Description automatically generated

# Đặc tả Use case

## Use case “Quản lý hệ thống chấm công”

## Xem chấm công chi tiết của nhân viên

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC001 | Tên Use case | Xem chấm công chi tiết của nhân viên |
| Tác nhân | Người quản lý nhân sự | | |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập quyến người lý nhân sự | | |
| Luồng sự kiện chính  (Thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | |  | Người quản lý nhân sự | Chọn nhân viên muốn xem | |  | Hệ thống | Tìm thông tin nhân viên đã chọn | |  | Hệ thống | Hiện thị thông tin của nhân viên đó | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 2a. | Hệ thống | Thông báo không tìm thấy nhân viên này | | | |
| Hậu điều kiện | Không | | |

## Sửa đổi thông tin nhân viên

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC001 | Tên Use case | Sửa đổi thông tin nhân viên |
| Tác nhân | Người quản lý nhân sự | | |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập quyến người lý nhân sự | | |
| Luồng sự kiện chính  (Thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Người quản lý nhân sự | Chọn 1 nhân viên | | 2. | Hệ thống | Tìm thông tin nhân viên đã chọn | | 3. | Hệ thống | Hiện thị thông tin của nhân viên đó | | 4. | Người quản lý nhân sự | Chọn sửa đổi thông tin | | 5. | Hệ thống | Hệ thống sửa đổi | | 6. | Hệ thống | Hiện thị thông tin đã sửa thanh công | | 7. | Hệ thống | Kết thúc | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 2a. | Hệ thống | Thông báo không tìm thấy nhân viên này | | | |
| Hậu điều kiện | Không | | |

1. **Xem thông tin tổng hợp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC001 | Tên Use case | Xem thông tin tổng hợp |
| Tác nhân | Người quản lý nhân sự | | |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập quyến người lý nhân sự | | |
| Luồng sự kiện chính  (Thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Người quản lý nhân sự | Chọn xem vào thông tin tổng hợp | | 2. | Hệ thống | Trả về tất cả thông tin của các nhân viên | | 3. | Hệ thống | Hiện thị thông tin của nhân viên đó | | 4. | Người quản lý nhân sự | Chọn xem theo năm/tháng /quý | | 5. | Hệ thống | Hiện thị thông tin của nhân viên theo dạng chọn | | 6. | Hệ thống | Kết thúc | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 4a. | Hệ thống | Sẽ hiên thị chưa có thông tin (nếu nhân viên chưa được làm việc đủ năm hoặc quý) | | | |
| Hậu điều kiện | Không | | |

1. **Xuất báo cáo chấm công**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC001 | Tên Use case | Xuất báo cáo chấm công |
| Tác nhân | Người quản lý nhân sự | | |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập quyến người lý nhân sự | | |
| Luồng sự kiện chính  (Thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Người quản lý nhân sự | Chọn xuẩt báo cáo | | 2. | Hệ thống | Hiện thị giao diện tùy chọn dạng xuất báo cáo | | 3. | Người quản lý nhân sự | Chọn dạng xuất báo cáo CSV/EXCEL | | 4. | Hệ thống | Tạo và xuất báo cáo theo dạng đã chọn | | 5. | Hệ thống | Báo cáo tải xuồng | | 6. | Hệ thống | Kết thúc | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | |  |  |  | | | |
| Hậu điều kiện | Không | | |

## Use case “Xem thông tin chấm công đơn vị nhà máy”

1. **Xem thông tin chấm công tổng hợp cá nhân**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | 001 | Tên usecase | Xem thông tin chấm công tổng hợp cá nhân |
| Mục đích | Trưởng đơn vị nhà máy muốn xem thông tin chấm công cá nhân của nhân viên | | |
| Tác nhân | Trưởng đơn vị nhà máy | | |
| Tiền điều kiện | Trưởng đơn vị nhà máy đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| Hậu điều kiện | Thông tin chấm công tổng hợp cá nhân của nhân viên được hiển thị | | |
| Luồng sự kiện chính | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 1 | Trưởng đơn vị nhà máy | Chọn xem thông tin chấm công trên giao diện chính | | 2 | Hệ thống | Kiểm tra định danh user | | 3 | Hệ thống | Hiển thị giao diện xem thông tin chấm công tổng hợp cá nhân | | 4 | Trưởng đơn vị nhà máy | Chọn danh sách nhân viên trên giao diện | | 5 | Hệ thống | Hiển thị danh sách nhân viên | | 6 | Trưởng đơn vị nhà máy | Chọn nhân viên muốn xem | | 7 | Hệ thống | Hiển thị thông tin chấm công cá nhân của nhân viên | | 8 | Trưởng đơn vị nhà máy | Chọn xem theo tháng/quý/năm | | 9 | Hệ thống | Hiển thị thông tin theo tháng/quý/năm | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 2a | Hệ thống | Kiểm tra xem User là nhân viên hay là trưởng đơn vị nhà máy. Nếu user là nhân viên thì sẽ hiển thị thông tin chấm công cá nhân cho nhân viên | | | |

1. **Xuất file báo cáo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | 002 | Tên usecase | Xuất file báo cáo |
| Mục đích | Trưởng đơn vị nhà máy muốn xuất file báo cáo | | |
| Tác nhân | Trưởng đơn vị nhà máy | | |
| Tiền điều kiện | Trưởng đơn vị nhà máy đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| Hậu điều kiện | Xuất file báo cáo thành công | | |
| Luồng sự kiện chính | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 1 | Trưởng đơn vị nhà máy | Chọn chức năng xem báo cáo chấm công ở giao diện chính | | 2 | Hệ thống | Kiểm tra định danh User | | 3 | Hệ thống | Hiển thị báo cáo chấm công | | 4 | Trưởng đơn vị nhà máy | Chọn chức năng xuất file báo cáo | | 5 | Hệ thống | Hiển thị định dạng file báo cáo | | 6 | Trưởng đơn vị nhà máy | Chọn loại dạng file | | 7 | Hệ thống | Xuất file báo cáo | | 8 | Hệ thống | Thông báo xuất file thành công | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 2a | Hệ thống | Kiểm tra xem User là nhân viên hay là trưởng đơn vị nhà máy. Nếu user là nhân viên thì sẽ thông báo không có quyền thực hiện chức năng | | 6a | Trưởng đơn vị nhà máy | Trưởng đơn vị có thể chọn loại dạng file CSV hoặc Excel | | | |

1. **Xem thông tin chấm công tổng hợp trong đơn vị**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | 003 | Tên usecase | Xem thông tin chấm công tổng hợp trong đơn vị |
| Mục đích | Trưởng đơn vị nhà máy muốn xem thông tin chấm công trong đơn vị | | |
| Tác nhân | Trưởng đơn vị nhà máy | | |
| Tiền điều kiện | Trưởng đơn vị nhà máy đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| Hậu điều kiện | Thông tin chấm công tổng hợp trong đơn vị được hiển thị | | |
| Luồng sự kiện chính | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 1 | Trưởng đơn vị nhà máy | Chọn xem thông tin chấm công trong đơn vị trên giao diện chính | | 2 | Hệ thống | Kiểm tra định danh user | | 3 | Hệ thống | Hiển thị giao diện xem thông tin chấm công tổng hợp trong đơn vị | | 4 | Trưởng đơn vị nhà máy | Chọn xem theo tháng/quý/năm | | 5 | Hệ thống | Hiển thị thông tin theo tháng/quý/năm | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 2a | Hệ thống | Kiểm tra xem User là nhân viên hay là trưởng đơn vị nhà máy. Nếu user là nhân viên thì sẽ thông báo không có quyền thực hiện chức năng | | | |

## Use case “Xem bản ghi chấm công từ máy quát vân tay”

1. **Xem bản ghi chấm công tổng hợp của từng cá nhân**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | 001 | Tên usecase | Xem bản ghi chấm công tổng hợp cá nhân |
| Mục đích | Nhân viên muốn xem bản ghi chấm Trưởncuar mình | | |
| Tác nhân | Nhân Viên | | |
| Tiền điều kiện | Nhân viên đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| Hậu điều kiện | Thông tin chấm công tổng hợp cá nhân của nhân viên được hiển thị | | |
| Luồng sự kiện chính | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 1 | Nhân viên | Chọn xem bản ghi chấm công trên giao diện chính | | 2 | Máy quát vân tay | Kiểm tra MNV,Tên,NTNSinh | | 3 | Máy quát vân tay | Hiển thị giao diện xem bản ghi chấm công tổng hợp cá nhân | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 2a | Máy quát vân tay | Kiểm tra xem nhân viên nhập đúng các thông tin của mình không. Nếu user là nhân viên tồn tại thì sẽ hiển thị thông tin chấm công cá nhân cho nhân viên | | | |

1. **Xuất file bản ghi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | 002 | Tên usecase | Xuất file bản ghi |
| Mục đích | Nhân viên muốn xuất file bản ghi | | |
| Tác nhân | Nhân viên | | |
| Tiền điều kiện | Nhân viên đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| Hậu điều kiện | Xuất file bản ghi thành công | | |
| Luồng sự kiện chính | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 1 | Nhân viên | Chọn chức năng xem bản ghi chấm công ở giao diện chính | | 2 | Máy quát vân tay | Kiểm tra MNV,Tên,NTNSinh | | 3 | Máy quát vân tay | Hiển thị báo cáo chấm công | | 4 | Nhân viên | Chọn chức năng xuất file bản ghi | | 5 | Máy quát vân tay | Hiển thị định dạng file bản ghi | | 6 | Nhân viên | Chọn loại dạng file | | 7 | Máy quát vân tay | Xuất file bản ghi | | 8 | Máy quát vân tay | Thông báo xuất file thành công | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 2a | Máy quát vân tay | Kiểm tra xem nhân viên nhập đúng các thông tin của mình không. Nếu user là nhân viên tồn tại thì sẽ hiển thị thông tin chấm công cá nhân cho nhân viên | | | |

1. **Xem bản ghi chấm công theo ngày/tháng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | 003 | Tên usecase | Xem bản ghi chấm công theo ngày/tháng |
| Mục đích | Nhân viên muốn xem chấm công theo ngày/tháng | | |
| Tác nhân | Nhân viên | | |
| Tiền điều kiện | Nhân viên đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| Hậu điều kiện | Bản ghi chấm công theo ngày/tháng  được hiển thị | | |
| Luồng sự kiện chính | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 1 | Nhân viên | Chọn xem thông tin chấm công trong đơn vị trên giao diện chính | | 2 | Máy quát vân tay | Kiểm tra MNV,Tên,NTNSinh | | 3 | Máy quát vân tay | Hiển thị giao diện xem banr ghi chấm công tổng hợp của cá nhân | | 4 | Nhân viên | Chọn xem theo tháng/quý/năm | | 5 | Máy quát vân tay | Hiển thị thông tin theo tháng/quý/năm | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 2a | Máy quát vân tay | Kiểm tra xem User là nhân viên hay là trưởng đơn vị nhà máy. Nếu user là nhân viên thì sẽ thông báo không có quyền thực hiện chức năng | | | |

## Use case “Xem thông tin chấm công đơn vị nhà máy”

1. **Xem thông tin chấm công tổng hợp cá nhânn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | 001 | Tên usecase | Xem thông tin chấm công cá nhân của nhân viên văn phòng |
| Mục đích | Nhân viên văn phòng muốn xem thông tin chấm công cá nhân của nhân viên | | |
| Tác nhân | Nhân viên văn phòng | | |
| Tiền điều kiện | Nhân viên văn phòng đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| Hậu điều kiện | Thông tin chấm công tổng hợp cá nhân của nhân viên được hiển thị | | |
| Luồng sự kiện chính | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 1 | Nhân viên văn phòng | Chọn xem thông tin chấm công trên giao diện chính | | 2 | Hệ thống | Kiểm tra định danh user | | 3 | Hệ thống | Hiển thị giao diện xem thông tin chấm công tổng hợp cá nhân | | 4 | Nhân viên văn phòng | Chọn danh sách nhân viên trên giao diện | | 5 | Hệ thống | Hiển thị danh sách nhân viên | | 6 | Nhân viên văn phòng | Chọn nhân viên muốn xem | | 7 | Hệ thống | Hiển thị thông tin chấm công cá nhân của nhân viên | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 2a | Hệ thống | Kiểm tra xem User là nhân viên hay là trưởng đơn vị nhà máy. Nếu user là nhân viên thì sẽ hiển thị thông tin chấm công cá nhân cho nhân viên | | | |

1. **Xuất file báo cáo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | 002 | Tên usecase | Xuất file báo cáo |
| Mục đích | Nhân viên văn phòng muốn xuất file báo cáo | | |
| Tác nhân | Nhân viên văn phòng | | |
| Tiền điều kiện | Nhân viên văn phòng đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| Hậu điều kiện | Xuất file báo cáo thành công | | |
| Luồng sự kiện chính | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 1 | Nhân viên văn phòng | Chọn chức năng xem báo cáo chấm công ở giao diện chính | | 2 | Hệ thống | Kiểm tra định danh User | | 3 | Hệ thống | Hiển thị báo cáo chấm công | | 4 | Nhân viên văn phòng | Chọn chức năng xuất file báo cáo | | 5 | Hệ thống | Hiển thị định dạng file báo cáo | | 6 | Nhân viên văn phòng | Chọn loại dạng file | | 7 | Hệ thống | Xuất file báo cáo | | 8 | Hệ thống | Thông báo xuất file thành công | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 2a | Hệ thống | Kiểm tra xem User là nhân viên hay là Nhân viên văn phòng. Nếu user là nhân viên thì sẽ thông báo không có quyền thực hiện chức năng | | 6a | Nhân viên văn phòng | Nhân viên văn phòng có thể chọn loại dạng file CSV hoặc Excel | | | |

1. **Xem thông tin chấm công tổng hợp trong đơn vị**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | 003 | Tên usecase | Xem chấm công tổng hợp từng cá nhân của nhân viên |
| Mục đích | Nhân viên văn phòng muốn xem thông tin chấm công trong đơn vị | | |
| Tác nhân | Nhân viên văn phòng | | |
| Tiền điều kiện | Nhân viên văn phòng đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| Hậu điều kiện | Thông tin chấm công tổng hợp trong đơn vị được hiển thị | | |
| Luồng sự kiện chính | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 1 | Nhân viên văn phòng | Chọn xem thông tin chấm công trong đơn vị trên giao diện chính | | 2 | Hệ thống | Kiểm tra định danh user | | 3 | Hệ thống | Hiển thị giao diện xem thông tin chấm công tổng hợp trong đơn vị | | 4 | Nhân viên văn phòng | Chọn xem theo tháng/quý/năm | | 5 | Hệ thống | Hiển thị thông tin theo tháng/quý/năm | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện | Hành động | | 2a | Hệ thống | Kiểm tra xem User là nhân viên hay là Nhân viên văn phóng. Nếu user là nhân viên thì sẽ thông báo không có quyền thực hiện chức năng | | | |

## Use case “Xem chấm công tổng hợp”

1. **Xem chi tiết chấm công ngày cụ thể**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC001 | Tên Use case | Xem chi tiết chấm công ngày cụ thể |
| Tác nhân | Công nhân | | |
| Tiền điều kiện |  | | |
| Luồng sự kiện chính  (Thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | |  | Công nhân | Chọn xem thông tin chấm công tổng hợp | |  | Hệ thống | hiển thị các thông tin chấm công | |  | Công nhân | nhập ngày cần xem chi tiết | |  | Hệ thông | Kiểm tra ngày hợp lệ | |  | Hiển thị chi tiết chấm công | thông báo không có dữ liệu | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 4a. | Hệ thống | Kiểm tra xem ngày đã nhập có thông tin không | | | |
| Hậu điều kiện | Không | | |

1. **Xem tổng số làm việc**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC002 | Tên Use case | Xem tổng số giờ làm việc |
| Tác nhân | Công nhân | | |
| Tiền điều kiện |  | | |
| Luồng sự kiện chính  (Thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Công nhân | Chọn xem thông tin chấm công tổng hợp | | 2. | Hệ thống | hiển thị các thông tin chấm công | | 3. | Công nhân | xem tổng số giờ làm việc | | 4. | Công nhân | chọn tháng/quý/năm | | 5. | Hệ thống | thông tin không hợp lệ | | 6. | Hệ thống | tính toán tổng số giờ làm việc | | 7. | Hệ thống | hiện thị kết quả | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 2a. | Hệ thống | Kiểm tra thông tin có trong dữ liệu không | | | |
| Hậu điều kiện | Không | | |

1. **Xem tổng số giờ tăng ca**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC003 | Tên Use case | Xem tổng số giờ tăng ca |
| Tác nhân | Công nhân | | |
| Tiền điều kiện |  | | |
| Luồng sự kiện chính  (Thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Công nhân | Chọn xem thông tin chấm công tổng hợp | | 2. | Hệ thống | hiển thị các thông tin chấm công | | 3. | Công nhân | chọn Tháng, Quý hoặc Năm | | 4. | Hệ thống | kiểm tra thông tin | | 5. | Hệ thống | không có số giờ tăng ca | | 6. | Hệ thống | Truy Xuất Dữ Liệu Chấm Công | | 7. | Hệ thống | Tính Toán Tổng Số Giờ Tăng Ca | | 8. | Hê thống | Hiển thị kết quả | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 4a. | Hệ thống | Kiểm tra trong tháng/quý/năm có số tăng ca không | | | |
| Hậu điều kiện | Không | | |

# Từ điển thuật ngữ

Introduction to Glossary…

## Course

…

## Credit

…

# Đặc tả phụ trợ

## Chức năng

Cxxx

## Hiệu năng

Xxxx

## Độ tin cậy

…